TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2023/QĐCNHGT-DS	*Châu Thành, ngày 16 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các Điều: 32, 33, 34, 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Sau khi nghiên cứu Đơn khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đề ngày 05/01/2023, sửa đổi bổ sung ngày 23/8/2021, của *Người khởi kiện*: Ngân hàng S.

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 02 năm 2022 và các tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ/một phần tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Ngân hàng S.

Địa chỉ: …, đường N, phường V, quận … , thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D, Tổng Giám đốc Ngân hàng S.

Người đại diện theo ủy quyền: Lương Trúc M, Trưởng Phòng Giao dịch S.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Trần Lê Hoài H, Phó Phòng Giao dịch S.

Địa chỉ: …, Nguyễn Sinh S, phường …, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bị kiện: Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 02 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên, cụ thể như sau:

* *Đối với hợp đồng tín chấp*: Chị Lê Thị Ngọc G trả cho Ngân hàng Snợ vay tổng cộng 45.626.385 đồng (nợ gốc là 29.354.000 đồng; lãi trong hạn: 15.600.000 đồng; lãi quá hạn và lãi phạt: 672.385 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 06/01/2023 cho đến khi trả xong nợ vay, lãi suất và cách tính lãi theo quy định của hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng.

* *Đối với Thẻ tín dụng*: Chị Lê Thị Ngọc G trả cho Ngân hàng S tiền nợ thẻ tín dụng là 11.329.172 đồng (nợ gốc: 7.884.440 đồng; lãi trong hạn: 3.444.732 đồng), và tiếp tục trả

lãi phát sinh tính từ ngày 06/01/2023 cho đến khi trả xong nợ vay, lãi suất và cách tính lãi theo quy định của hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng.

Tổng cộng hai khoản vay, chị Lê Thị Ngọc G trả cho Ngân hàng S nợ vay tổng cộng **56.955.557** đồng *(Năm mươi sáu triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi bảy đồng),* và tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 06/01/2023 cho đến khi trả xong nợ vay, lãi suất và cách tính lãi theo quy định của các hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

3. Các bên, người đại diện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại Quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nếu có căn cứ cho rằng nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên vi phạm một trong các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- Viện KSND huyện Châu Thành ;
- Chi cục THDS huyện Châu Thành;
- Lưu TA. (NQ.Hưng)

Nguyễn Quốc Hưng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và các bên tham gia hòa giải, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).

(3) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(4) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(5) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(6) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.